TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - H phúc
Bản án số: 145/2022/DS-PT Ngày: 20 - 6 - 2022 V/v "Tranh chấp hợp đồng đòi lại tài sản"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiền

Các Thẩm phán: Ông Ninh Quang Thế

Bà Đinh Cẩm Đào

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Thanh Khuyên là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Thúy Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 78/2022/TLPT-DS ngày 20 tháng 4 năm 2022 về việc "Tranh chấp đòi lại tài sản".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 12/2022/DS-ST ngày 16/02/2022 của Tòa án nhân dân huyện U bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 75/2022/QĐXX-PT ngày 13 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*:

1. Ông Lê Văn O, sinh năm 1963 (có mặt)

2. Bà Kim Thị H, sinh năm 1975 (có mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp 17, xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn*:

1. Ông Phan Trường S, sinh năm 1953 (có mặt)

2. Bà Trần Thị H, sinh năm 1974 (vắng)

Cùng địa chỉ: Ấp 15, xã A, huyện U, tỉnh Cà Mau.

- *Người kháng cáo:* Ông Phan Trường S, là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Lê Văn O, bà Kim Thị H trình bày:

Ngày 09/4/2020 (âm lịch), ông bà khởi kiện ông Lê Minh T và bà Phương Thị N đến Tòa án nhân dân huyện U. Sau đó, Tòa án mời ông bà đến giải quyết nhưng không thành, trong lúc ngồi uống nước thì ông bà gặp ông Phan Trường S. Ông S hỏi ông bà đi đâu thì ông bà kể lại toàn bộ sự việc cho ông S nghe, ông S kêu đưa hồ sơ cho ông S xem, sau khi xem xong ông S nói có cách lấy hết số tiền mà ông T và bà N thiếu ông bà là 138.000.000 đồng thì trả công cho ông S là 20.000.000 đồng, ông bà đồng ý. Ông bà đưa cho ông S và bà H số tiền 15.000.000 đồng, còn lại 5.000.000 đồng đến khi ông S thực hiện xong công việc sẽ giao tiếp. Đôi bên làm hợp đồng là trong thời gian 42 ngày, ông S và bà H phải đòi cho bằng được số tiền ông T và bà N thiếu ông bà.

Đến khi Tòa án xét xử vụ kiện thì ông S không làm thủ tục gì để lấy số tiền ông T và bà N đã thiếu. Ông bà đến nhà ông S nhiều lần nhưng chỉ gặp bà H, bà H nói chờ ông S về rồi nói lại sẽ trả tiền cho ông bà, nhưng ông S và bà H không trả lại tiền cho ông bà. Sau đó, ông bà làm đơn gửi đến Công an huyện U yêu cầu xử lý ông S và bà H, tại đây ông S và bà H cam kết sẽ trả lại tiền cho ông bà, nhưng đến nay ông S và bà H không thực hiện.

Nay ông bà yêu cầu ông S và bà H trả lại cho ông bà số tiền đã nhận 15.000.000 đồng. Tại phiên tòa, ông O và bà H vẫn giữ nguyên nội dung khởi kiện như trình bày, không có ý kiến gì khác.

Bị đơn ông Phan Trường S trình bày:

Khoảng tháng 8/2020, ông đến Tòa án nhân dân huyện U để liên hệ làm việc thì có gặp ông O và bà H, trong quá trình làm quen ông O và bà H có nhờ ông tìm ông T và bà N về để trả nợ tiền hụi cho ông O, vì Tòa án nhân dân huyện U thụ lý đơn kiện của ông O, bà H và triệu tập nhiều lần nhưng ông T và bà N vắng mặt nên không giải quyết được. Sau đó, hai bên thỏa thuận làm hợp đồng dân sự ngày 28/8/2020, với nội dung ông và bà H có trách nhiệm lo mọi thủ tục pháp lý để đòi lại tiền ông T và bà N thiếu của ông O và bà H, thời gian thực hiện trong vòng 42 ngày, nếu ông và bà H không đòi được tiền thì phải trả lại toàn bộ tiền cho ông O và bà H, đồng thời ông O và bà H cho ông và bà H ứng trước 15.000.000 đồng, còn lại 5.000.000 đồng khi nào xong việc sẽ đưa đủ.

Sau đó, ông có tìm kiếm gặp vợ cH T đến Tòa án xét xử buộc ông T và bà N trả tiền cho ông O và bà H, nhưng Tòa án không chấp nhận khoản lãi suất 10%, ông O và bà H không đồng ý nên kháng cáo đến cấp phúc thẩm và yêu cầu ông tham gia nhưng ông không đồng ý. Ông cho rằng đã thực hiện đầy đủ theo hợp đồng nên không đồng ý trả lại tiền cho ông O và bà H.

Bị đơn bà Trần Thị H trình bày:

Bà xác định có nhận của ông O và bà H số tiền 15.000.000 đồng, số tiền này ông O và bà H thuê ông S lo thủ tục pháp lý kiện ông T và bà N đòi lại tiền. Toàn bộ chi phí lo thủ tục là 20.000.000 đồng khi đòi được tiền, ông O và bà H

đưa trước cho bà và ông S số tiền 15.000.000 đồng, còn lại 5.000.000 đồng khi ông T trả đủ tiền cho ông O và bà H. Thủ tục pháp lý do ông S và vợ cH ông O giao kèo, còn việc giao kèo như thế nào thì bà không biết.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 12/2022/DS-ST ngày 16/02/2022 của Tòa án nhân dân huyện U đã quyết định:

Chấp nhận khởi kiện của ông Lê Văn O và bà Kim Thị H.

Buộc ông Phan Trường S và bà Trần Thị H có nghĩa vụ trả lại cho ông Lê Văn O và bà Kim Thị H số tiền đã nhận 15.000.000 đồng.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí, lãi suất chậm thi hành, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Ngày 11/3/2022 bị đơn ông Phan Trường S kháng cáo, yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét lại bản án theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn thống nhất với án sơ thẩm, do bị đơn không thực hiện như thỏa thuận nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu trả lại 15.000.000 đồng.

Bị đơn, ông S trình bày: Kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xét xử theo pháp luật vì bản án sơ thẩm trái pháp luật do Thẩm phán chủ tọa động viên bị đơn trả tiền cho nguyên đơn, Hội thẩm Hưng và Kiểm sát viên Linh tham gia xét xử là không khách quan. Bị đơn nhờ chính quyền địa phương liên hệ vợ chồng T về tham dự phiên tòa sơ thẩm; trước khi ký hợp đồng dân sự phía nguyên đơn nói không đúng sự thật, thực chất vợ chồng T thiếu tiền vay lãi suất 10% chứ không phải tiền hỏi cưới dâu, cho nên bị đơn không thực hiện công việc cho nguyên đơn theo như thỏa thuận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân tỉnh Cà Mau phát biểu ý kiến về giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử tiến hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng và các đương sự cũng chấp hành đúng với quyền và nghĩa vụ của các đương sự được pháp luật quy định.

Về nội dung: Áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng

Đơn kháng cáo đề ngày 11/3/2022 cùng đứng tên Phan Trường S, Trần Thị H. Cấp sơ thẩm ra Thông báo nộp tạm ứng án phí phúc thẩm, ông S nộp, bà H không nộp. Tại Thông báo về việc kháng cáo số: 14/TB-TA ngày 23/3/2022 thể hiện nội dung thông báo cho những người không kháng cáo trong đó có bà H. Như vậy, cấp sơ thẩm xác định chỉ có ông S kháng cáo bản án sơ thẩm.

[2] Xem xét nội dung kháng cáo, ông S không đồng ý với quyết định án sơ thẩm về việc buộc ông S, bà H thanh toán cho ông O, bà H số tiền 15.000.000 đồng. Qua ý kiến của các đương sự, nhận thấy: "Hợp đồng dân sự" lập ngày

28/8/2020 thể hiện nội dung: *Phan Trường S, Trần Thị H...là người đứng ra lo mọi thủ tục pháp lý và tiền bà N cùng ông T để đòi cho bằng được số tiền của ông T và N dựt của ông O và bà H;....thời gian thực hiện 42 ngày, ông O bà H đưa trước 15.000.000 đồng, khi thực hiện xong công việc đưa thêm 5.000.000 đồng, bằng ngược lại nếu không thực hiện được thì ông S bà H sẽ hoàn trả đủ số tiền 15.000.000 đồng.* Với nội dung của hợp đồng thì ông S bà H phải lo thủ tục pháp lý và đòi cho bằng được số tiền, theo như ông S trình bày ông S bà H chỉ lo về mặt thủ tục, giấy tờ thì tại sao hợp đồng lại quy định 42 ngày không thực hiện được phải hoàn trả lại 15.000.000 đồng cho ông O. Trên thực tế phía bị đơn không cung cấp được văn bản, giấy tờ lo về thủ tục pháp lý cho nguyên đơn và cũng không đòi được tiền cho nguyên đơn trong khi Hợp đồng thể hiện rõ "đòi cho bằng được số tiền". Chính vì vậy ông S viết "Tờ cam kết" thứ nhất (bút lục 07) hứa đến ngày 30/12/2020 trả 10 triệu đồng và 30 ngày sau trả 5.000.000 đồng và tiếp đó "Tờ cam kết" thứ hai (bút lục 08) hứa chậm nhất đến ngày 30/01/2021 trả đủ 15.000.000 đồng. Theo như ông S trình bày ông đã thực hiện đúng theo hợp đồng thì tại sao hai lần cam kết trả lại tiền cho nguyên đơn. Với nội dung đã phân tích và nhận định của án sơ thẩm buộc bị đơn trả lại cho nguyên đơn 15.000.000 đồng là có căn cứ pháp luật; do vậy, kháng cáo của ông S không được chấp nhận.

[3] Từ nhận định trên, không chấp nhận kháng cáo của ông Phan Trường S; giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 12/2022/DS-ST ngày 16/02/2022 của Tòa án nhân dân huyện U, tỉnh Cà Mau.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa được chấp nhận.

[5] Án phí phúc thẩm ông S là người cao tuổi được miễn, đã dự nộp được nhận lại.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; không chấp nhận kháng cáo của ông Phan Trường S, giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 12/2022/DS-ST ngày 16/02/2022 của Tòa án nhân dân huyện U, tỉnh Cà Mau.

Áp dụng các Điều 166, 357, 385, 401, 410, 413, 468 Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận khởi kiện của ông Lê Văn O và bà Kim Thị H yêu cầu ông Phan Trường S và bà Trần Thị H trả lại số tiền đã nhận.

Buộc ông Phan Trường S và bà Trần Thị H có nghĩa vụ trả lại cho ông Lê Văn O và bà Kim Thị H số tiền đã nhận 15.000.000 đồng *(Mười lăm triệu đồng)*.

Kể từ khi bản án có hiệu lực, ông Lê Văn O và bà Kim Thị H có đơn yêu cầu thi hành án, ông Phan Trường S và bà Trần Thị H chậm thực hiện nghĩa vụ trả lại tiền nói trên thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi

hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Án phí dân sự có giá ngạch ông Phan Trường S và bà Trần Thị H phải chịu 750.000 đồng (Bảy trăm năm chục ngàn đồng). Ông Lê Văn O và bà Kim Thị H không phải chịu án phí, ngày 15/3/2021, ông O và bà H nộp tạm ứng án phí số tiền 375.000 đồng theo biên lai thu số 0006235 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện U được nhận lại.

3. Án phí phúc thẩm: Ông Phan Trường S được miễn, ông S đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng tại biên lai số 0010346 ngày 11/3/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện U được nhận lại toàn bộ.

4. Các quyết định khác của án sơ thẩm không kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận*:**
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện U;
- Chi cục THADS huyện U;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hiền